

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 20-6-2023

“V/v Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tơ

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Quốc Tuấn

2. Ông Nguyễn Văn Năm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 87/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 15/5/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1993. Địa chỉ: Số X, Phường Y, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. *Bị đơn:* Ông Đặng Trung T1, sinh năm 1993. Địa chỉ: Số Z, khu phố Q, thị trấn TT, huyện TT, tỉnh Long An.

(Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huyền T trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:

Bà với ông Đặng Trung T1 tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Y, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo giấy chứng nhận kết hôn số 106 ngày 27/8/2020. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống. Bà với ông T1 không còn sống chung. Gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa, không thể hàn gắn nên bà xin được ly hôn với ông T1.

Về con chung: Ông bà có một con chung tên Đặng An A, sinh ngày 26/01/2021, con đang sống chung với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung và về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đặng Trung T1 trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt, không làm bản tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào và không có văn bản ý kiến phản hồi hay yêu cầu gì đối với việc khởi kiện của bà T, cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, hòa giải nhưng không được do bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Huyền T nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Đặng Trung T1. Căn cứ nơi cư trú của bị đơn, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa theo quy định tại Điều 28 và Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Thị Huyền T có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Đặng Trung T1 vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để xét xử nên Tòa án giải quyết vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nội dung:

Ông Đặng Trung T1 vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà T. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”.

Căn cứ lời trình bày của bà T và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định như sau:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Huyền T với ông Đặng Trung T1 tự nguyện đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Y, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo giấy chứng nhận kết hôn số 106 ngày 27/8/2020. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống. Bà T với ông T1 không còn sống chung. Ông T1 không đến Tòa án, cũng không có văn bản trình bày ý kiến liên quan đến việc hôn nhân, con chung. Ông T1 không

có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử nhận thấy mục đích hôn nhân của cả hai không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[2.2] Về nuôi con chung: Ông Đặng Trung T1 với bà Nguyễn Thị Huyền T có một con chung tên Đặng An A, sinh ngày 27/02/2021 đang sống chung với bà T. Bà T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con ông T1 không đến tòa án nên không thể giao con cho ông T1 nuôi dưỡng. Do vậy Hội đồng xét xử giao con cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu.

[2.3] Về nợ chung: Cho đến nay không có ai khởi kiện về việc nợ chung của vợ chồng bà T và ông T1 nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này, nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[2.4] Về tài sản chung: Trong vụ án này, bà T không yêu cầu giải quyết. Cho đến nay, ông T1 không có ý kiến về phần tài sản chung. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

Từ các phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Ông T1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Huyền T về việc “Tranh chấp ly hôn” đối với ông Đặng Trung T1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Huyền T được ly hôn với ông Đặng Trung T1.

2. Về con chung: Bà T được tiếp tục nuôi con chung tên Đặng An A sinh ngày 26/01/2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nhưng ông Đặng Trung T1 được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung thì cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều

84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con; mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Huyền T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002996, ngày 24/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Bà Nguyễn Thị Huyền T đã nộp đủ án phí.

Ông Đặng Trung T1 không phải chịu án phí.

4. Án xử sơ thẩm, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- CCTHADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- UBND Phường Y, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Tơ